

ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

• TS. PHAN VĂN NHÂN

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

I. Một số vấn đề chung về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật

Tuy chiến tranh đã kết thúc hơn 30 năm, nhưng hậu quả của nó để lại còn vô cùng nặng nề. Một trong những hậu quả đó là: hàng triệu người vì di chứng của chiến tranh mà bị khuyết tật suốt đời. Để khắc phục những hậu quả đó, trong những năm qua Đảng và nhà nước đã có nhiều chính sách giúp người khuyết tật tự tin và hòa nhập với cộng đồng. Một trong những hướng mang tính bền vững nhằm giải quyết vấn đề trên là phải tổ chức đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật.

1. Khái niệm và phân loại:

Người khuyết tật (NKT) là người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động từ 41% trở lên, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

Trên cơ sở khái niệm, chúng ta có thể phân loại NKT như sau:

* Những người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể như: Mất một hay nhiều chi, liệt toàn thân hay một phần, bệnh tim...

* Những người bị khiếm khuyết, suy giảm một hay nhiều chức năng của cơ thể: khiếm thị, khiếm thính, thiếu năng trí tuệ...

2. Cơ sở pháp lí

2.1. Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật. Theo đó, NKT được công nhận là đối tượng có đầy đủ các quyền và nhân phẩm như những thành viên khác trong cộng đồng, được bình đẳng về cơ hội trong xã hội.

2.2. Hệ thống chính sách liên quan đến NKT Việt Nam

Pháp lệnh về người tàn tật ban hành 1998, Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật Công nghệ thông tin, Luật dạy nghề... đều có những

điều khoản riêng đề cập đến NKT. Theo kế hoạch, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sẽ xây dựng Luật về NKT để trình Quốc hội vào năm 2008.

Đề án trợ giúp người tàn tật giai đoạn 2006-2010 được Thủ tướng Chính phủ kí ban hành tại Quyết định số 239/2006/QĐ-TTg ngày 24/10/2006.

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện cam kết của mình về tham gia thực hiện Khuôn khổ hành động Thiên niên kỉ Hướng tới một xã hội hòa nhập, không vật cản và vì quyền của người khuyết tật với 7 lĩnh vực ưu tiên trong Thập kỷ II về người khuyết tật khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2003 - 2012).

2.3. Chương VII (Luật Dạy nghề) - DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI TÀN TẬT, KHUYẾT TẬT

Điều 68. Mục tiêu dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật

Dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật nhằm giúp họ có năng lực thực hành nghề phù hợp với khả năng lao động của mình để tự tạo việc làm hoặc tìm được việc làm, ổn định đời sống và hoà nhập cộng đồng.

Điều 69. Cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật

1. Cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 40 của Luật này và các điều kiện sau đây:

a) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề; giáo trình, phương pháp và thời gian dạy nghề phù hợp với người tàn tật, khuyết tật;

b) Giáo viên có chuyên môn, nghiệp vụ, kĩ năng giảng dạy cho người tàn tật, khuyết tật.

2. Các công trình xây dựng phục vụ cho người tàn tật, khuyết tật học nghề phải bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 70. Chính sách đối với cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật

1. Nhà nước khuyến khích các cơ sở dạy nghề tuyển người tàn tật, khuyết tật vào học



hòa nhập; khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở dạy nghề dành cho người tàn tật, khuyết tật.

2. Cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật được hưởng các chính sách quy định tại Điều 53 của Luật này và được Nhà nước hỗ trợ về tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề; được giao đất không thu tiền hoặc thuê đất ở nơi thuận lợi cho việc học nghề của người tàn tật, khuyết tật.

Điều 71. Chính sách đối với người tàn tật, khuyết tật học nghề

1. Được hưởng học bổng và trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, chính sách tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên quy định tại các điều 89, 90, 91 và 92 của Luật Giáo dục.

2. Được tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí.

3. Được giảm hoặc miễn học phí.

4. Người tàn tật, khuyết tật học nghề thuộc hộ nghèo được miễn học phí, được cấp học bổng và hỗ trợ ăn, ở, đi lại theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Chính sách đối với giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật

1. Nhà nước đầu tư đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, kĩ năng, phương pháp dạy nghề đối với giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật.

2. Giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật được hưởng chế độ đối với giáo viên dạy nghề quy định tại Điều 62 của Luật này và được hưởng phụ cấp đặc thù theo quy định của Chính phủ.

3. Thực trạng lao động và dạy nghề cho NKT

Hiện nay VN có khoảng hơn 5 triệu NKT, chiếm trên 6% dân số. Trong đó NKT trong độ tuổi lao động chiếm gần 70% và trong toàn quốc có hơn 400 cơ sở sản xuất, kinh doanh với khoảng 20.000 lao động là NKT. Người khuyết tật mong muốn được tiếp cận với dịch vụ y tế, phục hồi chức năng, giáo dục, văn hóa, học nghề và có việc làm để đảm bảo cuộc sống, thực sự bình đẳng và hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, NKT và các doanh nghiệp có NKT làm việc còn gặp nhiều trở ngại trong dạy nghề và giải quyết việc làm, thể hiện:

Từ phía NKT, trở ngại do họ không có phương tiện sinh hoạt chuyên dùng nên gặp nhiều khó khăn về đi lại trong khi hệ thống giao thông đang là vấn đề bức xúc hiện nay.

NKT ít được chú ý đào tạo nghề (hiện chỉ có khoảng 3% được đào tạo nghề), chưa có đội ngũ giáo viên dạy nghề cho NKT. Họ chưa tiếp cận được với hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm ở các địa phương do hầu hết các trung tâm này chưa xây dựng quy chuẩn tiếp cận, sử dụng NKT.

Tuy nhiên, một số chính sách pháp luật còn làm hạn chế khả năng lao động và mong muốn đóng góp của NKT cho xã hội nói chung và các DN có NKT làm việc nói riêng. Một số điều về lao động của NKT được quy định tại Bộ Luật Lao động và Nghị định 81/CP ngày 23/12/1995 chưa được thực hiện như: chưa có quỹ việc làm của NKT; chưa thực hiện việc các DN thuộc mọi thành phần kinh tế phải nhận từ 2-3% lao động là NKT trong tổng biên chế của đơn vị, nếu không thì sẽ phải nộp vào quỹ việc làm của NKT một khoản tiền theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Do nhận thức xã hội về NKT còn hạn chế nên còn nhiều trường hợp DN từ chối NKT vào làm việc.

II. Nghề nghiệp và việc làm

1. Khái niệm về nghề và đặc trưng cơ bản của nghề

* Nghề là một dạng xác định của hoạt động lao động trong hệ thống phân công lao động xã hội; là tổng hợp những kiến thức và kĩ năng trong lao động mà con người tiếp thu được do kết quả của đào tạo chuyên môn và tích lũy trong công việc.

* Các đặc trưng cơ bản của nghề là:

- Công việc chuyên làm;
- Phương tiện sinh sống của con người;
- Bao gồm cả lao động trí óc và chân tay (nghĩa mở rộng);
- Phải phù hợp với yêu cầu của xã hội và có ích cho xã hội.

* Khi mô tả về nghề, thường đề cập đến các yếu tố:

- Đối tượng lao động;
- Công cụ lao động;
- Quá trình công nghệ;
- Tổ chức lao động;

- Yêu cầu (tâm, sinh lí...) với người hành nghề.

* **Trình độ nghề:** Là thước đo mức độ phức tạp của lao động (kiến thức, kĩ năng nghề).

Trình độ nghề phản ánh đặc điểm, tính chất và yêu cầu về trình độ kĩ thuật, trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động trong mỗi thời kì phát triển kinh tế - xã hội.

2. Lựa chọn nghề (Tôi là ai?)

Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện có hơn 1.400 loại nghề đào tạo và nghề xã hội khác nhau. Nghề (nghiệp) nhiều và đa dạng như thế thì lựa chọn như thế nào để phù hợp với mong muốn và năng lực của bản thân, trên cơ sở đó có việc làm phù hợp sau này là điều không dễ. Để đi đến một sự lựa chọn đúng, một câu hỏi đầu tiên đặt ra "Tôi là ai?" Trả lời câu hỏi này có nghĩa là đánh giá bản thân về các mặt: mạnh, yếu, sức khỏe, trình độ học vấn, sở thích, năng lực, thành công, thất bại, kĩ năng đang có, mơ ước, tính cách của mình.

Khi chọn nghề NKT có thể dựa theo tiêu chí:

1. Ưu điểm đối với NKT;
2. Nhược điểm đối với NKT;
3. Những khó khăn mà NKT đang vấp phải trong thực tế;
4. NKT suy giảm hoặc mất phần gì hoặc chức năng gì trong cơ thể và ở mức độ nào.

Trên cơ sở trả lời câu hỏi "Tôi là ai? Và có khả năng gì? Nghề nghiệp yêu cầu tôi phải làm gì?" khi lựa chọn một nghề nào đó cho phù hợp.

Ví dụ: Nghề may:

1. Ưu: ít cần giao tiếp, chỉ nhận hàng về làm rồi giao hàng, hoặc làm ở xí nghiệp, không đòi hỏi trình độ văn hóa cao, đào tạo nhanh, có ở khắp nơi
2. Nhược: Thu nhập không cao, đi làm lại xa, vì các xí nghiệp thường ở xa, hoặc nếu bạn chọn cách may gia công thì phải đi lại nhận hàng, giao hàng
3. Dạng khuyết tật: Người khiếm thính hoặc khuyết tật 1 chân có thể làm được.

Nghề Kỹ thuật viên CNTT

1. Ưu: Ngồi một chỗ, ít đi lại, thu nhập cao
2. Nhược: Trình độ đào tạo cao, cần phải đổi mới, trau dồi liên tục, có ở các thành phố lớn
3. Dạng khuyết tật: Nhiều đối tượng trừ chậm phát triển trí tuệ.

Cần nhớ rằng, dù nghề nghiệp là rất khác nhau, song để làm được một nghề nào đó, thì

ngoài các kĩ năng chuyên biệt, ai cũng phải có một số kĩ năng cơ bản như kĩ năng đọc, kĩ năng viết, kĩ năng nói, kĩ năng nghe, kĩ năng giao tiếp xã hội, kĩ năng hợp tác...

3. Việc làm và việc làm phù hợp cho người khuyết tật:

3.1. *Việc làm:* "Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập, không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm" (điều 13. Bộ Luật Lao động).

Khái niệm việc làm ngày nay đã được mở rộng, không chỉ hạn chế ở các công việc làm công ăn lương trong các thành phần kinh tế mà còn có thể tự giải quyết việc làm. Tuy nhiên, dù dưới hình thức nào, muốn có việc làm phải có nghề; muốn có thu nhập cao phải giỏi nghề.

3.2. *Việc làm phù hợp:* Để đi đến việc làm phù hợp, quy trình bao giờ cũng là giáo dục và tuyên truyền về nghề nghiệp, tư vấn nghề, lựa chọn nghề, học nghề, việc làm. Muốn biết việc làm có phù hợp với mình hay không, NKT cần trả lời các câu hỏi:

- Có đủ trình độ để làm công việc ấy hay không?

- Có cần học thêm kiến thức và kĩ năng gì để làm công việc ấy hay không?

- Có thích nghi được với điều kiện lao động của công việc ấy hay không?

NKT gặp nhiều khó khăn hơn khi tìm việc làm phù hợp do:

- Học vấn - trình độ chuyên môn thấp: 41% NKT từ 6 tuổi trở lên không biết chữ; 19,5% học hết cấp một; 2,75% có trình độ trung học chuyên nghiệp hay chứng chỉ học nghề và ít hơn 0,1% có bằng ĐH hoặc CĐ có tay nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường;

- Không đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động;

- Bị từ chối vì chủ sử dụng lao động không tin vào khả năng của NKT: khoảng 58% NKT tham gia làm việc, 30% chưa có việc làm và mong muốn có việc làm ổn định;

- Không tiếp cận được các cơ hội tự tạo việc làm (thiếu thông tin về vốn, thủ tục, kĩ năng...).

III. Đào tạo nghề cho người khuyết tật

1. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

Quy trình này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc sau:

1. Trên cơ sở phân tích nghề và theo cấu trúc mô đun;

2. Đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động;
3. Phù hợp với người học;
4. Đảm bảo tính linh hoạt;

Bước 1. Công tác chuẩn bị

1. Lập kế hoạch xây dựng chương trình;
2. Thành lập nhóm xây dựng chương trình;
3. Tập huấn nội dung, quy trình, phương pháp xây dựng chương trình cho các thành viên trong nhóm xây dựng chương trình.

Bước 2. Xác định nhu cầu đào tạo

1. Khảo sát hoạt động của nghề sẽ xây dựng chương trình tại doanh nghiệp;
2. Tổng hợp, xử lý phiếu khảo sát;
3. Xây dựng mô hình hoạt động của nghề sẽ xây dựng chương trình (những nhiệm vụ và công việc của nghề);
4. Lấy ý kiến chuyên gia và hoàn thiện mô hình hoạt động của nghề sẽ xây dựng chương trình;
5. Báo cáo xác định nhu cầu đào tạo.

Bước 3. Phân tích công việc

1. Viết bản hướng dẫn thực hiện công việc;
2. Viết mục tiêu thực hiện công việc;
3. Xác định kiến thức liên quan đến công việc;
4. Xác định vật liệu, dụng cụ cần thiết cho dạy và học công việc đó;
5. Xác định nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá công việc;
6. Hoàn chỉnh tài liệu phân tích công việc;

Bước 4. Biên soạn chương trình

1. Xác định mục tiêu đào tạo của chương trình;
2. Nhóm các công việc có liên quan thành các mô đun của chương trình;
3. Xây dựng đề cương chương trình đào tạo theo mẫu;
4. Xây dựng cấu trúc của mô đun theo mẫu;
5. Xây dựng sơ đồ mối liên hệ giữa các mô đun trong chương trình đào tạo;
6. Biên soạn thể công việc tích hợp theo mẫu;
7. Xây dựng công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho mô đun và công việc;
8. Dự thảo chương trình đào tạo;
9. Hoàn chỉnh chương trình đào tạo.

2. Cách thức tiếp cận tổ chức đào tạo

2.1. Đào tạo theo năng lực thực hiện: từ gần nửa thế kỷ nay, hệ thống giáo dục kĩ thuật và dạy

nghề (Technical and Vocational Education) của nhiều nước đã và đang được "cải cách" theo phương thức đào tạo theo năng lực thực hiện (Competency Based Training).

Năng lực thực hiện (NLTH) là khả năng thực hiện được các hoạt động hay công việc trong nghề theo các tiêu chuẩn đặt ra đối với từng công việc đó.

NLTH bao gồm các kĩ năng, kiến thức và thái độ đòi hỏi đối với một người để thực hiện được lao động có kết quả ở một công việc hay một nghề.

Các NLTH mà người học cần có để "hành nghề" sau khi tốt nghiệp các cơ sở đào tạo nghề được tiếp thu và đánh giá dựa vào *những tiêu chuẩn kĩ năng* quy định cho một nghề.

Phương thức "Đào tạo theo NLTH" chú trọng vào việc làm cho người học có được năng lực thực hiện các công việc của nghề ở mức độ "thông thạo" nhất định theo *tiêu chuẩn kĩ năng nghề* đặt ra chứ không dựa chủ yếu vào thời gian như ở phương thức đào tạo truyền thống.

Như vậy, trong ĐT theo NLTH, các kết quả hay đầu ra (chính là các NLTH) theo *Tiêu chuẩn kĩ năng nghề* luôn luôn được sử dụng làm cơ sở để lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá quá trình cũng như kết quả đào tạo. Thông qua các Tiêu chuẩn kĩ năng nghề đó và mối quan hệ chặt chẽ với nhu cầu của thực tế sản xuất, của người sử dụng lao động mà đào tạo theo NLTH. NLTH chứa đựng trong nó những yếu tố mới có thể nâng cao chất lượng đào tạo cũng như nâng cao sự phù hợp giữa đào tạo và sử dụng.

2.2. Đào tạo qua kèm cặp tại sản xuất và sự thực hiện của học viên:

Dưới sự hướng dẫn, kèm cặp của những người công nhân giỏi, thông qua trình diễn mẫu, học viên sẽ từng bước có khả năng thực hiện những công việc và nhiệm vụ của nghề

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Pháp Lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 06/1998/PL-UBTVQH10 ngày 30-07-1998.*
2. *Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật.* Đại hội đồng Liên hợp quốc, 13/12/2006.
3. *Luật Dạy nghề.*

SUMMARY

The author presents some general issues about vocational training and provide jobs for disabled people.